

Dự luật Ngân hàng Nhà nước (NHNN) (sửa đổi) tiếp tục nhận được nhiều ý kiến đóng góp của các đại biểu Quốc hội trong phiên thảo luận ngày 16/11/2009. Việc dự kiến bỏ lãi suất cơ bản tưởng chừng đã ngã ngũ lại vẫn là vấn đề còn rất nóng bỏng ở diễn đàn. Đáng chú ý là ý kiến của bà Lê Thị Nga – Phó chủ tịch Ủy ban Pháp luật Quốc hội – cho rằng: “các nền kinh tế lớn như Mỹ, Nga, Trung Quốc, Nhật đều dùng công cụ lãi suất cơ bản” rồi bần khoản “nếu bỏ quy định về lãi suất cơ bản Nhà nước sẽ mất vai trò định hướng, thị trường lãi suất có thể dẫn đến cuộc chạy đua lãi suất huy động và lãi suất cho vay, gây rối loạn thị trường, đẩy người dân và doanh nghiệp phải vay với lãi suất cao và góp phần làm mất giá đồng Việt Nam”. Theo Vietnamnet, các đại biểu Quốc hội phát biểu sau đó đã bày tỏ thái độ đồng thuận với bà Nga¹. Phải chăng, các nước phát triển đều sử dụng cơ chế lãi suất cơ bản như Việt Nam? Liệu bỏ lãi suất cơ bản có làm rối loạn thị trường như các đại biểu Quốc hội lo ngại?. Bài viết này sẽ điểm qua cơ chế lãi suất ở một số nước phát triển, làm rõ thuật ngữ lãi suất cơ bản để từ đó có những góp ý cho việc lựa chọn cơ chế điều hành lãi suất trong thời gian tới ở Việt Nam.

ĐỊNH HƯỚNG CƠ CHẾ LÃI SUẤT CHO VIỆT NAM

TS. HOÀNG CÔNG GIA KHÁNH

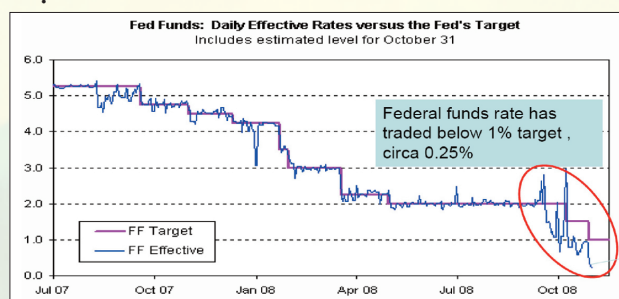
1. Cơ chế điều hành lãi suất ở một số nước phát triển

Hệ thống dự trữ liên bang Hoa kỳ (FED)

Về cơ bản, FED hiện đang điều hành lãi suất thông qua hai công cụ quan trọng là lãi suất chiết khấu (discount rate) và lãi suất quỹ dự trữ liên bang (Federal funds rate – FFR). Ra đời muộn hơn so với công cụ lãi suất chiết khấu (được sử dụng từ giai đoạn đầu ngay sau khi FED được thành lập), mãi đến những năm 1920, FFR mới được FED sáng tạo ra. Sở dĩ có tên gọi “quỹ dự trữ liên bang” là vì nguồn tiền để cho các trung gian tài chính nhận tiền gửi (depository institutions) vay qua đêm (nhằm đảm bảo đủ dự trữ bắt buộc theo quy định) được Fed lấy từ quỹ dự trữ liên bang hình thành bởi số tiền dự trữ bắt buộc của tất cả các trung gian tài chính nhận tiền gửi. FFR được Ủy ban thị trường mở (FOMC) công bố sau các phiên họp định kỳ và nó không mang tính chất ấn định cụ thể mà thực chất chỉ là lãi suất mục tiêu (target rate, xem đồ thị 1) để FED thực hiện giao dịch trên thị trường mở nhằm đạt đến lãi suất mục tiêu đã công bố. Lẽ dĩ nhiên, các trung gian tài chính nhận tiền gửi có thể vay mượn lẫn nhau để bù đắp thiếu hụt dự trữ bắt buộc chứ không nhất thiết phải vay từ FED. Tuy nhiên, lãi suất từ các khoản vay lẫn nhau (lãi suất liên ngân hàng) thường cao hơn FFR vì vấn đề rủi ro. Khi FED cho các trung gian tài chính vay tiền

để bù đắp thiếu hụt dự trữ bắt buộc, số tiền đó tuy được hạch toán báo có vào tài khoản của các trung gian tài chính tại FED nhưng các trung gian tài chính không được phép rút ra ngay cả khi phá sản, do vậy FED không có nguy cơ mất số tiền đã cho vay dưới dạng này. Khác với FED, khi một trung gian tài chính cho đối tác vay liên ngân hàng, họ phải cắt từ tài khoản tiền gửi của mình chuyển vào tài khoản tiền gửi của đối tác tại FED, từ lúc đó bên cho vay không còn thẩm quyền quản lý số tiền này nữa. Vì vậy nguy cơ không thu hồi được tiền cho vay xuất hiện nên lãi suất cho vay đương nhiên phải cao hơn. Với phân tích ở trên, có thể thấy FFR là lãi suất thấp nhất mà các trung gian tài chính nhận tiền gửi có thể vay được (với món vay phi rủi ro), vì vậy lãi suất này có khi được gọi là lãi suất cơ bản, lãi suất chuẩn (benchmark rate).

Đồ thị 1: Biến động FFR hiệu dụng và FFR mục tiêu từ 07/2007 đến 10/2008



Nguồn: R.H Wrightson and Company

¹ Nguồn: Báo Vietnamnet, <http://www.vietnamnet.vn/chinhtri/200911/Bo-quy-dinh-lai-suot-vi-loi-ich-cua-ai-879068/>

Bên cạnh nhu cầu đảm bảo dự trữ bắt buộc, các trung gian tài chính còn có nhu cầu đảm bảo thanh khoản, an toàn chi trả. Lãi suất chiết khấu của FED chính là lãi suất cho các trung gian tài chính vay để đáp ứng các nhu cầu này. Về nguyên tắc, lãi suất liên ngân hàng thông thường sẽ thấp hơn lãi suất chiết khấu vì nếu lãi suất liên ngân hàng cao hơn lãi suất chiết khấu, các trung gian tài chính sẽ không vay liên ngân hàng mà sẽ vay từ FED để được hưởng lãi suất chiết khấu thấp hơn. Lãi suất chiết khấu thường cao hơn lãi suất FFR và có ba mức lãi suất chiết khấu áp dụng cho ba loại cho vay khác nhau là tín dụng chính (Primary credit), tín dụng mở rộng (Secondary credit) và tín dụng thời vụ (Seasonal credit) với lãi suất chiết khấu hiện hành lần lượt là 0,5%, 1,0% và 0,15%/năm.

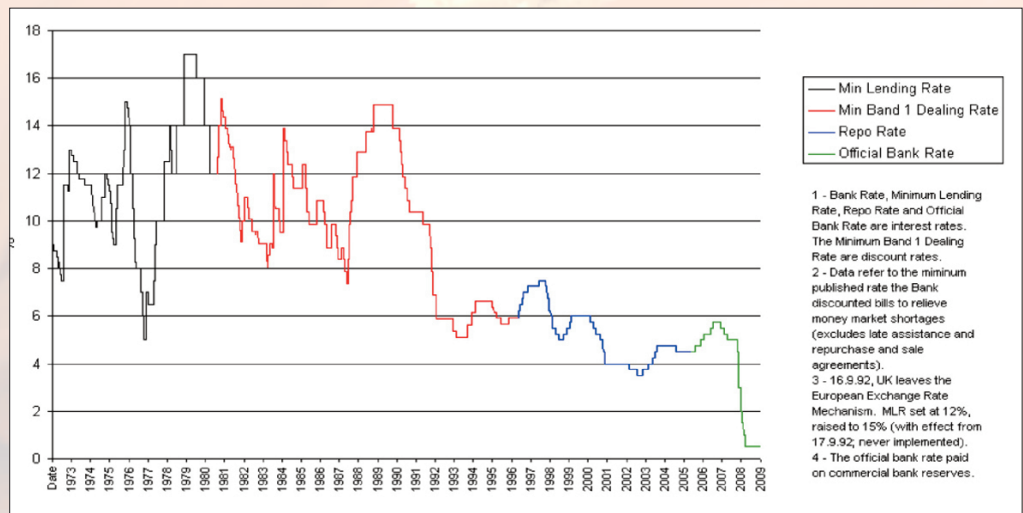
Như vậy, FED “bảo vệ” lãi suất chiết khấu đã ấn định thông qua chương trình cho vay chiết khấu và “bảo vệ” lãi suất FFR đã công bố thông qua nghiệp vụ thị trường mở. Cách điều hành này của FED sẽ khiến cho lãi suất liên ngân hàng luôn có xu hướng biến động giữa lãi suất FFR (có vai trò như lãi suất sàn) và lãi suất chiết khấu (có vai trò như lãi suất trần) mà không phải đặt ra giới hạn bằng biện pháp hành chính.

Ngân hàng trung ương (NHTW) Anh (BOE)

Tên gọi của lãi suất do Ủy ban chính sách tiền tệ của BOE công bố đã được thay đổi nhiều lần trước đây nhưng kể từ 18/5/2006 có tên là lãi suất chính thức (Official bank rate), đây chính là lãi suất mà BOE trả cho khoản tiền dự trữ của các ngân hàng thương mại (NHTM) để tại BOE. Mức dự trữ là tự nguyện và các thành viên xác định mức cân bằng theo mục tiêu riêng của mình nhưng không thấp hơn mức trung bình

bắt buộc (tính theo tháng) trong kỳ duy trì. Các NHTM được phép vay có đảm bảo hoặc gửi tiền ở BOE với lãi suất nằm trong biên độ 1% so với lãi suất chính thức cho tất cả các ngày trong tháng (trừ ngày cuối cùng của kỳ duy trì thì biên độ thu hẹp còn 0,25%). BOE sẽ sử dụng nghiệp vụ thị trường mở để tác động nhằm duy trì lãi suất qua đêm, lãi suất các kỳ hạn khác dưới ba tháng luôn nằm trong biên độ. Lãi suất của các khoản vay có kỳ hạn từ 3-12 tháng được xác định bởi các thành viên và không phụ thuộc vào biên độ so với lãi suất chính thức. Như vậy, về bản chất, lãi suất chính thức mà BOE công bố là lãi suất mang tính mục tiêu chứ không mang tính ấn định cụ thể và BOE sẽ “bảo vệ” lãi suất đã công bố bằng nghiệp vụ thị trường mở.

Đồ thị 2: Biến động lãi suất công bố của NHTW Anh từ 1973-2009



Nguồn: <http://www.bankofengland.co.uk>

NHTW Châu Âu (ECB)

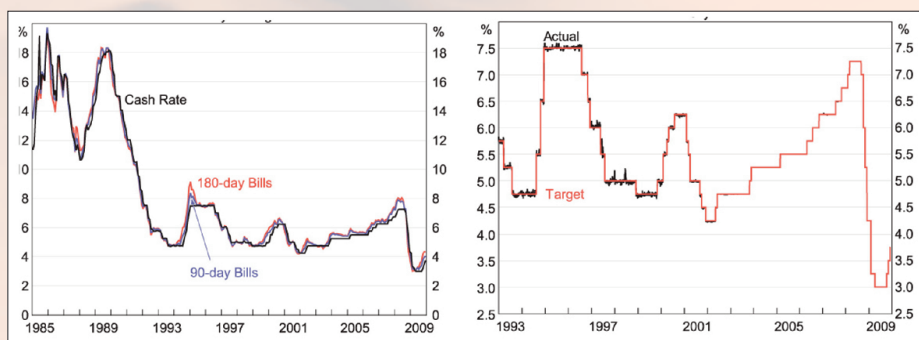
Hội đồng thống đốc của ECB ấn định ba mức lãi suất chủ chốt khu vực đồng tiền Euro gồm: (i) Lãi suất cho hoạt động tái cấp vốn chính (Main refinancing operations-MRO) là mức lãi suất áp dụng cho các khoản vay nhằm đảm bảo thanh khoản cho hệ thống ngân hàng; (ii) Lãi suất cho các phương tiện tiền gửi thường xuyên, áp dụng cho các khoản tiền gửi qua đêm của các ngân hàng với Eurosystem² và (iii) Lãi suất cho các phương tiện vay giới hạn, áp dụng cho các khoản vay qua đêm từ Eurosystem.

ECB sẽ “bảo vệ” MRO bằng nghiệp vụ thị trường mở thông qua phương thức đấu thầu khối

² Gồm ECB và NHTW các quốc gia thành viên của khu vực đồng Euro.

lượng hoặc đấu thầu lãi suất. Song song đó, NHTW của các quốc gia thành viên ECB có trách nhiệm “bảo vệ” hai lãi suất chủ chốt còn lại thông qua hoạt động cho vay và nhận tiền gửi để lãi suất cho các phương tiện tiền gửi thường xuyên đóng vai trò lãi suất sàn còn lãi suất cho các phương tiện vay giới hạn đóng vai trò lãi suất trần, lãi suất cho vay qua đêm sẽ dao động trong biên độ này. Rõ ràng, cũng như lãi suất chính thức của BOE hay FFR của FED, các lãi suất chủ chốt mà ECB công bố đều mang tính chất mục tiêu, và ECB sẽ “bảo vệ” lãi suất mục tiêu thông qua các công cụ chính sách tiền tệ của mình để lãi suất thị trường hướng về lãi suất mục tiêu. Trước khủng hoảng, chênh lệch lãi suất trần và lãi suất sàn duy trì ổn định phổ biến ở mức 2% nhưng từ 9/10/2008 đến 20/01/2009 được rút xuống 1%, sau đó tăng lại lên 2% và từ 13/05/2009 đến nay thì mức chênh lệch chỉ còn 1,5%.

Đồ thị 3: Biến động lãi suất ở Úc



Nguồn: <http://www.rba.gov.au>

NHTW Úc (RBA)

Hội đồng RBA sẽ ấn định lãi suất tiền mặt (Cash rate) là lãi suất mang tính mục tiêu nhằm tác động đến lãi suất cho vay qua đêm giữa các trung gian tài chính. Thông qua nghiệp vụ thị trường mở, RBA sẽ tác động để lãi suất cho vay qua đêm càng tiệm cận với lãi suất mục tiêu càng tốt. Quan sát đồ thị 3, có thể thấy RBA đã tác động thành công thông qua nghiệp vụ thị trường mở khi lãi suất cho vay qua đêm và các kỳ hạn khác trên thực tế luôn bám sát với lãi suất mục tiêu mà RBA công bố.

NHTW Nhật bản (BOJ)

Không khác nhiều so với cách thức điều hành lãi suất của NHTW ở các nước phát triển nói trên, trước đây BOJ sử dụng công cụ lãi suất có

tên gọi là lãi suất chiết khấu chính thức (Official discount rate) bao gồm lãi suất chiết khấu thương phiếu và lãi suất cho vay có bảo đảm bằng trái phiếu chính phủ thường thấp hơn 0,25% so với lãi suất cho vay có bảo đảm bằng các tài sản đảm bảo khác.

Kể từ 11/8/2006 các mức lãi suất khác nhau nói trên được gộp lại bằng nhau, gọi là lãi suất cho vay cơ bản và lãi suất chiết khấu cơ bản (Basic discount rate and basic loan rate). Việc thay đổi tên thực chất không làm thay đổi bản chất của loại lãi suất này bởi vì nó vẫn là lãi suất mà BOJ chiết khấu các giấy tờ có giá cho các NHTM. Các NHTM sẽ vay chiết khấu từ BOJ khi không tìm được nguồn vay nào trên thị trường liên ngân hàng có chi phí thấp hơn chi phí vay từ BOJ, do đó lãi mà BOJ công bố nghiêm nhiên trở thành giới hạn trần của lãi suất cho vay qua đêm dù BOJ không đưa ra rào cản hành chính nào cho lãi suất cho vay qua đêm.

Tóm lại, mỗi nước kể trên đều có một tên gọi riêng cho lãi suất công bố của mình nhưng về bản chất điều hành thì không có sự khác biệt lớn giữa các nước và hầu hết đều có những đặc trưng sau đây:

- Lãi suất công bố là lãi suất mục tiêu, là thông điệp mang tính định hướng để thị trường tham khảo đồng thời nó cũng thể hiện ý chí của NHTW.

- Sau khi công bố, NHTW sẽ sử dụng các công cụ chính sách tiền tệ – thông thường là nghiệp vụ thị trường mở – để điều tiết lãi suất liên ngân hàng hướng đến lãi suất mục tiêu mà không hề dùng bất cứ biện pháp hành chính cụ thể nào.

- Việc điều chỉnh lãi suất của NHTW chỉ tác động trực tiếp đến các trung gian tài chính, không tác động trực tiếp đến khu vực dân chúng và doanh nghiệp.

- Định kỳ công bố lãi suất (ngay cả khi không có điều chỉnh) được xác định một cách rõ ràng và công khai.

- Ở hầu hết các nước kể trên, lãi suất được ấn định bởi hội đồng/ủy ban theo nguyên tắc bỏ

Bảng 1: Kết quả bỏ phiếu một số phiên họp trong năm 2009 của các thành viên Ủy ban chính sách tiền tệ BOE

Tên các thành viên Ủy ban	Bỏ phiếu tăng	Bỏ phiếu giảm	Bỏ phiếu giữ nguyên	Số phiên tham dự	08/01/09	05/02/09	05/03/09	05/11/09
Mervyn King, Governor	0	3	8	11	-0,50%	-0,50%	-0,50%	0,00%
Paul Tucker	0	3	8	11	-0,50%	-0,50%	-0,50%	0,00%
Charles Bean, Deputy Governor	0	3	8	11	-0,50%	-0,50%	-0,50%	0,00%
Kate Barker	0	3	8	11	-0,50%	-0,50%	-0,50%	0,00%
Sir John Gieve, Deputy Governor	0	2	0	2	-0,50%	-0,50%	n/a	n/a
David Blanchflower	0	3	2	5	-1,00%	-1,00%	-0,50%	0,00%
Tim Besley	0	3	5	8	-0,50%	-0,50%	-0,50%	0,00%
Andrew Sentance	0	3	8	11	-0,50%	-0,50%	-0,50%	0,00%
Spencer Dale	0	3	8	11	-0,50%	-0,50%	-0,50%	0,00%
Paul Fisher	0	1	8	9	n/a	n/a	-0,50%	0,00%
David Miles	0	0	6	6	n/a	n/a	n/a	n/a
Adam Posen	0	0	3	3	n/a	n/a	n/a	n/a
Lãi suất				2,00%	1,50%	1,00%	0,50%	0,50%

Nguồn: <http://www.bankofengland.co.uk>

phiếu bình đẳng giữa các thành viên hội đồng/ủy ban và kết quả bỏ phiếu (ý kiến của từng thành viên hội đồng) đều được công bố công khai ngay sau đó (xem Bảng 1). Điều này sẽ khiến cho các thành viên hội đồng phải có trách nhiệm hơn khi quyết định lá phiếu của mình.

2. Những bất hợp lý trong cơ chế điều hành lãi suất hiện hành ở Việt Nam

Dựa trên diễn biến điều hành lãi suất của NHNN Việt Nam trong thời gian vừa qua có thể rút ra một số nhận xét sau:

– Lãi suất cơ bản do NHNN công bố có tính chất hành chính vì nó được làm cơ sở để xác định trần lãi suất cho vay nhưng NHNN không có cơ chế “bảo vệ” hữu hiệu cho mức lãi suất đã công bố nên trong thực tế khi thị trường khan hiếm vốn, các NHTM tìm cách lách trần lãi suất trong khi NHNN rất khó kiểm soát hoàn toàn việc vi phạm này. Ngược lại, khi thị trường rơi vào cảnh thừa vốn, mức trần được tính từ lãi suất này không còn có tác dụng (như một số thời điểm trước 2002). Hơn nữa, lãi suất cơ bản dường như tách rời không có liên hệ đáng kể với hai công cụ lãi suất còn lại của NHNN là lãi suất tái cấp vốn và lãi suất chiết khấu.

– Mức trần 150% hiện đang có hiệu lực không được giải thích một cách khoa học và thuyết phục.

– Trong suốt hai năm qua, việc điều chỉnh lãi suất cơ bản của NHNN ngay lập tức tác động trực tiếp đến dân chúng và doanh nghiệp bởi nó tác động trực tiếp đến lãi suất cho vay chứ không tác động gián tiếp như cách điều hành lãi suất ở các nước phát triển dẫn chứng ở trên.

– Chỉ quy định chung chung rằng lãi suất cơ bản do NHNN công bố nên thiếu yếu

tố trách nhiệm cá nhân nếu như việc ấn định là không phù hợp với diễn biến của thị trường.

– Về nguyên tắc, có thể thấy hiện nay NHNN đang sử dụng lãi suất tái cấp vốn làm lãi suất trần còn lãi suất chiết khấu làm lãi suất sàn để điều tiết lãi suất liên ngân hàng nằm trong biên độ trần sàn, từ đó gián tiếp tác động đến lãi suất cho vay của ngân hàng thương mại. Tuy nhiên, trên thực tế do việc xác định quy mô tổng hạn mức chiết khấu, tổng hạn mức tái cấp vốn chưa thật sự linh hoạt để một mặt bám sát với nhu cầu thị trường nhưng mặt khác vẫn đảm bảo được mục tiêu của mức cung tiền, đồng thời công cụ nghiệp vụ thị trường mở chưa phát huy đúng vai trò của nó – mà một trong những nguyên nhân trọng yếu là do thiếu giấy tờ có giá, đặc biệt là các ngân hàng thương mại nhỏ thường ít nắm giữ các giấy tờ có giá để tham gia giao dịch trên thị trường mở dù đây chính là đối tượng thường khó khăn về khả năng thanh khoản – nên hai công cụ lãi suất này không hiếm lần trở nên lạc lõng, mất vai trò trần/sàn của mình khi nhiều lần lãi suất liên ngân hàng liên tục vượt trần – thậm chí gấp 2-3 lần lãi suất trần (xem bảng 2). Nói cách khác, NHNN đã không hoàn thành đầy đủ vai

Bảng 2: Mức phổ biến của lãi suất liên ngân hàng trên địa bàn TP.HCM (từ 28/01/2008 đến 16/02/2008)

Kỳ hạn	28/01	29/01	30/01	31/01	01/02	04/02	13/02	14/02	15/02	16/02
1. LS qua đêm	9,5-10,5	12-14	15-16	15-16	15-19	16-19	10,5	18-25	21-39	29-37
2. LS 01 tuần	10-11,5	14-15	-	-	18-20	-	10,5	-	-	-
3. LS 02 tuần	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi suất cơ bản, tái cấp vốn cao nhất trong giai đoạn này lần lượt là 8,5% và 7,5%										

Ghi chú: Dấu “-” là không có giao dịch. Nghỉ Tết Nguyên đán từ 05/02/08 đến 11/02/08

Nguồn: Khảo sát của tác giả

trò người cho vay cuối cùng thông qua công cụ lãi suất.

3. Định hướng điều chỉnh cơ chế điều hành lãi suất ở Việt Nam trong thời gian tới

Từ những phân tích nêu trên, vấn đề không phải là cách gọi tên lãi suất mà quan trọng là cách thức và cơ chế điều hành lãi suất. Việc sử dụng cơ chế lãi suất cơ bản như vừa qua ở Việt Nam tuy đã góp phần nhất định cho việc bình ổn lãi suất trong giai đoạn khủng hoảng nhưng đó chỉ là việc làm chằng đặng dừng khi hai công cụ lãi suất tái cấp vốn và lãi suất chiết khấu không phát huy được hiệu quả cần phải có. Vả lại, nếu tiếp tục sử dụng lãi suất cơ bản như vừa qua thì việc điều hành lãi suất sẽ vẫn còn “hành chính hóa”, cản trở tiến trình tự do hóa lãi suất để từng bước tự do hóa tài chính theo lộ trình đã dự kiến. Bên cạnh đó, khi vẫn còn trong tay công cụ lãi suất cơ bản để sử dụng điều hành như vừa qua, NHNN sẽ khó tập trung sức mạnh và nguồn lực để cải tổ nhằm đảm bảo hiệu lực thực sự của cặp công cụ lãi suất tái cấp vốn và lãi suất chiết khấu.

Chúng tôi cho rằng ngay cả khi bỏ lãi suất cơ bản như dự thảo vừa qua trình Quốc hội, NHNN vẫn không hề mất đi vai trò định hướng, điều tiết lãi

suất trên thị trường nếu sử dụng hữu hiệu cặp công cụ lãi suất tái cấp vốn (để có vai trò tương tự như lãi suất chiết khấu FED mà ấn định) và lãi suất chiết khấu (để có vai trò tương tự lãi suất của FFR mà FED công bố). Tất nhiên, khi đó NHNN cần phải xác định rõ lãi suất mục tiêu là lãi suất tái cấp vốn hay lãi suất chiết khấu.

Theo chúng tôi, nếu NHNN làm tốt hơn công tác thu thập, xử lý số liệu thống kê, dự báo diễn biến thị trường để từ đó có cơ sở khoa học cho việc thực hiện giám sát tốt hơn hoạt động tín dụng của các ngân hàng thương mại thông qua bộ tiêu chí về chuẩn an toàn, giới hạn tỷ trọng các loại tài sản của ngân hàng thương mại (không tập trung quá lớn vào cho vay cá nhân/doanh nghiệp hoặc đầu tư tài chính mà bỏ qua việc nắm giữ các giấy tờ có giá), thậm chí khi cần thiết trong một giai đoạn nào đó có thể bắt buộc các ngân hàng thương mại phải nắm giữ một tỷ lệ nhất định giấy tờ có giá đủ tiêu chuẩn giao dịch trên thị trường mở. Thực hiện được điều này, NHNN sẽ gia tăng được vai trò và phát huy đầy đủ tác động của nghiệp vụ thị trường mở. Trong điều kiện đó, NHNN sẽ hoàn toàn đủ khả năng dùng nghiệp vụ thị trường mở để điều tiết lãi suất liên ngân hàng tiệm cận lãi suất mục tiêu (nên lựa chọn lãi suất chiết khấu / lãi suất sàn làm lãi suất mục tiêu) từ đó tác động hữu hiệu đến lãi suất huy động vốn, lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại mà





không cần thiết phải sử dụng trần lãi suất cho vay thông qua lãi suất cơ bản và biện pháp hành chính thanh tra toàn diện các ngân hàng thương mại nếu lãi suất huy động vượt quá “trần” 10,5%/năm như cách làm của NHNN ở thời điểm hiện nay (tháng 12/2009).

NHNN cũng cần phải đổi mới quy trình và cách thức công bố lãi suất mục tiêu. Theo đó, nên công bố rõ lịch trình làm việc của Hội đồng chính sách tiền tệ quốc gia hoặc Hội đồng thống đốc (nếu luật sửa đổi theo hướng này). Việc xác định lãi suất công bố phải dựa vào kết quả bỏ phiếu kín của các thành viên Hội đồng ở mỗi phiên họp. Các thành viên bỏ phiếu kín về mức lãi suất mới theo nguyên tắc bình đẳng, mỗi thành viên một lá phiếu có giá trị ngang nhau. Kết quả về lãi suất mới và quyết định của mỗi thành viên cũng sẽ được công khai trên website ngay sau mỗi phiên họp. Với hoạt động công khai này, thay vì chịu trách nhiệm tập thể như hiện nay, các thành viên của Hội đồng sẽ buộc phải có trách nhiệm hơn với quyết định của mình để giữ uy tín cá nhân và như vậy uy tín, trách nhiệm của Hội đồng sẽ được nâng cao.

Song song với việc bỏ lãi suất cơ bản, cần phải thiết lập công cụ mới để hạn chế hoạt động cho vay nặng lãi vì trong điều kiện hiện nay ở Việt Nam, tín dụng “đen” vẫn chưa thể triệt tiêu được. Thật sự, rất khó có thể có cách lập luận nào để giải thích thuyết phục lý do tại sao đưa ra mức ấn định 150% như quy định hiện nay của Bộ luật Dân sự liên quan đến trần lãi suất so với lãi suất cơ bản mà không phải là 200%, 300% hay một tỷ lệ nào khác. Theo chúng tôi, hàng ngày NHNN nên thu thập lãi suất cho vay dài hạn của các ngân hàng thương mại lớn, tính bình quân của các mức lãi suất này và công bố công khai tương tự như cách công bố LIBOR hay SIBOR để làm cơ sở xác định trần lãi suất cho vay ngoài khu vực tín dụng của các trung gian tài chính. Cách làm này sẽ đảm bảo được tính linh hoạt, hợp lý của lãi suất công bố vì nó bám sát diễn biến của thị trường, phản ánh kịp thời quan hệ cung cầu vốn trong nền kinh tế. Tất nhiên, để thực hiện điều này NHNN cần phải trình Chính phủ đệ trình Quốc hội sửa Bộ luật Dân sự. Thiết nghĩ, nếu đã làm rõ sự bất

hợp lý của công cụ lãi suất cơ bản, xây dựng cơ chế điều tiết lãi suất thị trường thông qua cặp công cụ lãi suất tái chiết khấu và lãi suất cơ bản như đã đề xuất ở trên thì việc thuyết phục Quốc hội sửa quy định tại điều 474, 476 của Bộ luật Dân sự liên quan đến lãi suất cơ bản không phải là vấn đề quá khó khăn. Luật – suy cho cùng được ban hành là nhằm phục vụ dân sinh – do vậy, nếu có quy định nào chưa hợp lý, gây trở ngại cho hoạt động của dân sinh thì việc điều chỉnh, bổ sung, sửa chữa luật là điều tất yếu. Không vì ngại sửa hoặc vì bất cứ lý do thiếu thuyết phục nào khác để trì hoãn sửa đổi, tiếp tục duy trì một quy định mà vốn dĩ đã thấy rõ là không còn phù hợp với yêu cầu đòi hỏi khách quan của thực tiễn ■

Tài liệu tham khảo

¹ [Http://www.federalreserve.gov](http://www.federalreserve.gov)

² [Http://www.bankofengland.co.uk](http://www.bankofengland.co.uk)

³ [Http://www.rba.gov.au](http://www.rba.gov.au)

⁴ [Http://www.boj.or.jp](http://www.boj.or.jp)

⁵ Các tài liệu đã trích dẫn, đề cập trong bài viết